

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2021/DS-ST  
Ngày 11 tháng 5 năm 2021  
Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kiều Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trương Ánh Hoa

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Linh là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Bảo Em – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn T L, sinh năm 1951 (có mặt)

*Địa chỉ:* Ấp X, xã Lý V, thành phố C, tỉnh C.

*Bị đơn:* Bà Bùi T T, sinh năm 1938 (có mặt)

Ông Võ N A, sinh năm 1927

Đại diện theo ủy quyền của ông A là bà Bùi T T (văn bản ủy quyền ngày 07/5/2021).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã L, thành phố C, tỉnh C.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Võ T T, sinh năm 1966 (có mặt)

- Bà Đỗ K H, sinh năm 1975

Đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Võ T T (văn bản ủy quyền ngày 07/5/2021).

- Ông Võ A B, sinh năm 1970 (có mặt)

- Bà Nguyễn T T, sinh năm 1978

Đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Võ A B (văn bản ủy quyền ngày 07/5/2021).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã L, thành phố C, tỉnh C.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Nguyễn T L trình bày:* Vào năm 2002 ông có chuyển nhượng cho ông Võ N A và bà Bùi T T phần đất có diện tích ngang 10m x dài 36m, tọa lạc tại ấp X, xã L, thành phố C. Sau khi đo đạc, hai bên thống nhất cắm trụ đá để làm thủ tục tách quyền sử dụng. Quá trình sử dụng, phía gia đình ông A cắm cọc bê tông qua phần đất của ông và rào bằng lưới B40 cũ để không cho gà, vịt qua lại, vì không đáng kể nên ông không có ý kiến gì. Đến năm 2017, phía gia đình ông A cất nổi nhà ra phía sau lấn sang phần đất của ông. Ông có gặp trực tiếp ông A và bà T phản đối nhưng phía gia đình ông A vẫn tiến hành xây cất. Ông có yêu cầu địa phương tiến hành hòa giải và phía ông A cũng thừa nhận có lấn qua phần đất của ông. Nay ông yêu cầu ông A và bà T phải trả lại phần đất đã lấn chiếm của ông có diện tích  $2m^2$  và phần không gian có diện tích  $5m^2$ .

*Bị đơn bà Bùi T T, ông Võ N A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ T T, ông Võ A B đồng trình bày:* Vào năm 2002, bà Bùi T T và ông Võ N A có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn T L phần đất ngang 10m x dài 36m tọa lạc tại ấp X, xã L, thành phố C. Sau khi nhận chuyển nhượng, đến năm 2017 con của bà T, ông A là Võ T T và Võ A B có tiến hành sửa chữa nhà thì gia đình ông L chửi bới, ngăn cản. Ông T có làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã L giải quyết và xác định lại chiều dài phần đất chỉ còn 34m. Nguyên nhân còn lại 34m là do Ủy ban nhân dân xã L sửa chữa lại lộ cũ 1,5m thành 2,5m lấn ra hai bên. Nay ông Nguyễn T L yêu cầu gia đình bà T, ông A trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích  $2m^2$ , phần không gian có diện tích  $5m^2$  thì không đồng ý vì phần đất bà T, ông A hiện nay chiều dài không đủ 36m.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Nguyễn T L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về diện tích đất tranh chấp. Cụ thể: Yêu cầu gia đình ông A, bà T trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích  $2,1m^2$  và tháo dỡ phần mái che trả lại phần không gian có diện tích  $1,9m^2$  theo Trích đo hiện trạng ngày 27/10/2020 và Phụ lục của Trung tâm Kỹ thuật Công nghệ Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau. Phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp X, xã L, thành phố C, tỉnh C.

- Bị đơn bà Bùi T T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ T T, Võ A B xác định không có lấn phần đất diện tích  $2,1m^2$  của nguyên đơn nên không đồng ý. Đối với phần mái che có diện tích  $1,9m^2$  thì đồng ý tháo dỡ để trả lại phần không gian theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay là đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại phần đất có diện tích  $2,1m^2$  tọa lạc tại ấp X, xã L, thành phố C, tỉnh C. Buộc bị đơn tháo dỡ phần mái che có diện tích  $1,9m^2$  trả lại phần không gian cho nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp quyền sử dụng đất, phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp X, xã L, thành phố C, tỉnh C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26 và Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về diện tích đất tranh chấp: Theo Trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông L với ông A, bà T, được trích đo từ thửa số 20, 21 tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp X, xã L, thành phố C thì phần đất tranh chấp có chiều dài 02 cạnh là 0,2m, tổng diện tích là 2,1m<sup>2</sup>; Phần không gian tranh chấp là mái che có chiều dài 01 cạnh là 0,5m và 01 cạnh là 0,3m, tổng diện tích là 1,9m<sup>2</sup>. Hiện trạng phần đất tranh chấp là bờ tường 02 căn nhà của gia đình ông A, bà T (01 phần tường và 01 phần lưới B40). Phần mái che nằm bên phía căn nhà do vợ chồng ông Võ TT quản lý sử dụng. Các đương sự thống nhất với số liệu diện tích khu đất tranh chấp, không ý kiến.

[3] Về nội dung tranh chấp: Vào năm 2002 vợ chồng ông Võ NA, bà Bùi T T có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn T L một phần đất ngang 10m x dài 36m tọa lạc tại ấp X, xã L thành phố C, tỉnh C. Ông A, bà T đã được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 360m<sup>2</sup> thuộc thửa số 46, tờ bản đồ số 15 (Theo hệ thống bản đồ 2009 nay là thửa 20 và 21 tờ bản đồ số 30). Sau khi nhận chuyển nhượng đất thì ông A, bà T đã tiến hành xây dựng 02 căn nhà kiên cố trên đất. Đến năm 2018 ông A, bà T làm thủ tục tặng cho phần đất thửa số 20 cho con trai là Võ A B, phần đất thửa số 21 còn lại vẫn do ông A, bà T đứng tên quyền sử dụng, hiện nay do con trai là Võ T T và con dâu là bà Đỗ K H quản lý, sử dụng. Các đương sự thống nhất xác định, khi làm thủ tục bàn giao đất chuyển nhượng thì không có cơ quan chức năng đo đạc đất mà tự các đương sự đo đạc, cắm mốc và bàn giao đất. Tại thời điểm chuyển nhượng, bàn giao đất thì chiều ngang là 10m, còn chiều dài phần đất được tính từ mé lộ nông thôn (Lộ cũ 1,5m) đo chạy dài đến hậu là 36m.

Ông L cho rằng, khi gia đình ông A, bà T xây dựng nhà thì có lấn qua phần đất của ông, cụ thể là từ trụ đá làm ranh đất giữa ông với ông A, bà T, do các bên thống nhất cắm từ thời điểm chuyển nhượng đất đo qua phần đất của ông có chiều dài là 0,2m; Phần không gian lấn chiếm chiều dài 0,5m theo như trích đo hiện trạng thể hiện nên khởi kiện yêu cầu gia đình ông A, bà T trả lại phần đất và phần không gian lấn chiếm cho ông.

Thấy rằng, tại thời điểm chuyển nhượng đất thì tuyến lộ nông thôn ấp X, xã Lý V, thành phố C đi qua đất ông L, ông A và bà T thì lộ cũ là 1,5m do dân tự mở. Sau này nhà nước mở rộng tuyến lộ thì có vận động nhân dân hiến đất làm lộ nông thôn mở rộng 2,5m. Tuyến lộ này không thuộc dự án hay công trình quy hoạch nào, cũng không có chính sách đền bù hay giải tỏa nên không thể xác định được phần đất của ông L, ông A và bà T lấy vô để mở rộng tuyến lộ là bao nhiêu mét. Tuy nhiên, tính theo số liệu thực tế thì chiều dài phần đất hiện nay của gia đình ông A, bà T nếu cộng phần chiều dài đất tranh chấp và phần chiều dài đất mở rộng tuyến lộ 01m (Từ lộ cũ 1,5m mở rộng thành 2,5m) thì không đủ 36m như đã thỏa thuận chuyển nhượng.

Ông L cho rằng, chiều dài phần đất của gia đình bị đơn thiếu là do nhà nước

mở rộng lộ, không phải do ông giao thiếu. Như nhận định nêu trên, tuyến lộ này là do dân tự mở, khi mở rộng lộ thì đất là do dân tự hiến, không có chính sách đền bù hay giải tỏa nên không thể xác định được phần đất của ông L, ông A và bà T lấy vô để mở rộng tuyến lộ là bao nhiêu mét. Đây là nguyên nhân khách quan, bản thân ông L cũng không xác định được mí lộ cũ từ 1,5m mở rộng thành 2,5m là tính từ vị trí nào. Việc các đương sự tự đo đạc bằng tay, cắm mốc để bàn giao đất nên số liệu đất có sự sai lệch. Mặc khác, sau khi nhận chuyển nhượng và bàn giao đất thì gia đình ông A, bà T có thuê ông L xây dựng hàng rào (là 01 phần tường và 01 phần lưới B40) để làm ranh đất với phần đất giáp của ông Huỳnh T S hiện nay và phần hậu ngang khoảng 4,5m giáp ông Nguyễn T L, bao chu vi phần nhà của ông Võ T T đang quản lý. Phần hàng rào thuê ông L xây dựng đúng như hiện trạng đất tranh chấp hiện nay và tại thời điểm xây dựng hàng rào này thì ông L không ý kiến, không tranh chấp. Ông L có cung cấp cho Tòa án biên bản làm việc ngày 08/8/2017 về việc xác minh theo đơn yêu cầu của ông Nguyễn T L. Ông L căn cứ vào biên bản làm việc này cho rằng phía bị đơn có thừa nhận lấn đất của ông. Thấy rằng, nội dung biên bản chỉ thể hiện hiện trạng đất tại thời điểm xác minh, không thể hiện ý kiến trình bày của đương sự. Biên bản lập chỉ có cán bộ địa chính xã ký tên người ghi biên bản, không có xác nhận của chính quyền địa phương nên không có giá trị về mặt pháp lý.

Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T L về việc buộc bị đơn trả phần đất lấn chiếm có diện tích 2,1m<sup>2</sup> là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Đối với phần không gian là mái che được xây dựng bên phần nhà của ông Võ T T, bà Đỗ K H đang quản lý, sử dụng có diện tích 1,9m<sup>2</sup> thì phía gia đình bị đơn thừa nhận xây dựng lấn qua phần đất của ông L nên đồng ý tháo dỡ để trả lại phần không gian theo yêu cầu khởi kiện. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên được chấp nhận.

[5] Từ những nhận định nêu trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T L về việc buộc ông Võ N A, bà Bùi T T cùng với ông Võ T T, bà Đỗ K H tháo dỡ mái che, trả lại phần không gian lấn chiếm có diện tích 1,9m<sup>2</sup> cho ông Liêm. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L về việc buộc gia đình bị đơn trả phần đất có diện tích 2,1m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp X, xã Lý V, thành phố C.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc là 4.726.000 đồng, ông Nguyễn T L đã thanh toán xong với cơ quan thực hiện đo đạc. Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc ông Võ N A, bà Bùi T T, ông Võ T T, bà Đỗ Thị K H cùng có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn T L ½ tiền chi phí đo đạc là 2.363.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự không có giá ngạch:

- Nguyên đơn ông Nguyễn T L thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định pháp luật và có đơn xin miễn án phí.

- Bị đơn ông Võ N A, bà Bùi T T, ông Võ T T và bà Đỗ K H cùng có nghĩa vụ chịu án phí 300.000 đồng. Ông A, bà T thuộc trường hợp miễn án phí nên cần buộc ông T, bà H phải chịu 50% án phí này.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 203 Luật đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T L. Buộc ông Võ N A, bà Bùi T T cùng có nghĩa vụ với ông Võ T T, bà Đỗ K H tháo dỡ phần mái che, trả lại phần không gian có diện tích  $1,9m^2$  tọa lạc tại ấp X, xã Lý V, thành phố C, tỉnh C cho ông Nguyễn T L.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T L về việc buộc ông Võ N A, bà Bùi T T cùng các con là ông Võ T T, bà Đỗ K H, ông Võ A B, bà Nguyễn T T trả phần đất có diện tích  $2,1m^2$  tọa lạc tại ấp X, xã L, thành phố C, tỉnh C.

(Có bản vẽ kèm theo).

- Về chi phí tố tụng: Buộc ông Võ N A, bà Bùi T T, ông Võ T T, bà Đỗ K H cùng có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn T L tiền chi phí đo đạc là 2.363.000 đồng.

*Kể từ ngày ông Nguyễn T L có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 2.363.000 đồng nếu ông Võ N A, bà Bùi T T, ông Võ T T, bà Đỗ K H không tự nguyện thi hành xong khoản tiền này thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

- Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

+ Ông Nguyễn T L, ông Võ N A và bà Bùi T T được miễn án phí theo quy định pháp luật.

+ Ông Võ T T, bà Đỗ K H phải chịu án phí 150.000 đồng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kiều Trang**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Tp. Cà Mau, ngày 11 tháng 5 năm 2021*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào lúc.....giờ.....phút, ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kiều Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trương Ánh Hoa

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 147/2020/TLST-DS ngày 24/4/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh Liêm, sinh năm 1951 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Xóm Lớn, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

*Bị đơn:* Bà Bùi Thị Thịnh, sinh năm 1938 (có mặt)

Ông Võ Ngọc Ấn, sinh năm 1927

Đại diện theo ủy quyền của ông Ấn là bà Bùi Thị Thịnh (văn bản ủy quyền ngày 07/5/2021).

Cùng địa chỉ: Ấp Xóm Lớn, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Võ Thanh Trà, sinh năm 1966 (có mặt)

- Bà Đỗ Kim Hân, sinh năm 1975

Đại diện theo ủy quyền của bà Hân là ông Võ Thanh Trà (văn bản ủy quyền ngày 07/5/2021).

- Ông Võ An Biên, sinh năm 1970 (có mặt)

- Bà Nguyễn Thanh Thoảng, sinh năm 1978

Đại diện theo ủy quyền của bà Thoảng là ông Võ An Biên (văn bản ủy quyền ngày 07/5/2021).

Cùng địa chỉ: Ấp Xóm Lớn, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 203 Luật đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Liêm. Buộc ông Võ Ngọc Ấn, bà Bùi Thị Thịnh cùng có nghĩa vụ với ông Võ Thanh Trà, bà Đỗ Kim Hân tháo dỡ phần mái che, trả lại phần không gian có diện tích 1,9m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Xóm Lớn, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau cho ông Nguyễn Thanh Liêm.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Liêm về việc buộc ông Võ Ngọc Ấn, bà Bùi Thị Thịnh cùng các con là ông Võ Thanh Trà, bà Đỗ Kim Hân, ông Võ An Biên, bà Nguyễn Thanh Thoảng trả phần đất có diện

tích 2,1m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Xóm Lớn, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

(Có bản vẽ kèm theo).

- Về chi phí tố tụng: Buộc ông Võ Ngọc Ấn, bà Bùi Thị Thịnh, ông Võ Thanh Trà, bà Đỗ Kim Hân cùng có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh Liêm tiền chi phí đo đạc là 2.363.000 đồng.

*Kể từ ngày ông Nguyễn Thanh Liêm có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 2.363.000 đồng nếu ông Võ Ngọc Ấn, bà Bùi Thị Thịnh, ông Võ Thanh Trà, bà Đỗ Kim Hân không tự nguyện thi hành xong khoản tiền này thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

- Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

+ Ông Nguyễn Thanh Liêm, ông Võ Ngọc Ấn và bà Bùi Thị Thịnh được miễn án phí theo quy định pháp luật.

+ Ông Võ Thanh Trà, bà Đỗ Kim Hân phải chịu án phí 150.000 đồng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Tập thể thống nhất ý kiến 3/3.

Nghị án kết thúc cùng ngày, có đọc lại và Hội đồng đồng ý ký tên vào biên bản.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Ánh Hoa**

**Huỳnh Hoàng Khởi**

**Trần Thị Kiều Trang**



